

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án bảo vệ đập, hồ chứa
công trình hồ chứa nước Đồng Mít

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 425/TTr-SNN ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ đập, hồ chứa công trình hồ chứa nước Đồng Mít để Công ty TNHH Khai thác công trình Bình Định và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong quá trình quản lý, khai thác và vận hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện An Lão; Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy điện Đồng Mít; Chi cục trưởng

Chi cục Thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K10. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC ĐỒNG MÍT**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU BẢO VỆ

1. Mục đích

Chủ động đề ra các phương án phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hành vi xâm hại, bảo vệ tuyệt đối an toàn đập, hồ chứa nước và phạm vi vùng phụ cận công trình nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn khu vực.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho công trình, thiết bị công nghệ, các công trình thủy công, khu vực cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại khu đầu mối.

- Tổ chức lực lượng bảo vệ; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của chủ đập và các đơn vị liên quan đảm bảo an ninh, an toàn trật tự khu vực công trình.

- Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và địa phương để cấm mốc khu vực lòng hồ ứng với cao trình (+101.10)m (mực nước dâng bình thường) và phân hành lang bảo vệ nguồn nước từ cao trình (+101.10) m đến (+105.00)m (đỉnh đập) theo quy định, đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho công trình.

- Thực hiện theo phương châm phòng ngừa là chính, sớm phát hiện, ngăn chặn các tình huống xấu có thể xảy ra và khi xảy ra sự cố phải có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của các đơn vị có liên quan.

- Phân giao nhiệm vụ bảo vệ và tăng cường mối quan hệ với chính quyền, công an địa phương và các đơn vị có liên quan để tạo mối quan hệ đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ, phối hợp bảo vệ của nhân dân trong khu vực.

- Đảm bảo trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ và kinh phí cần thiết phục vụ cho công tác bảo vệ đập, hồ chứa nước.

- Thường xuyên làm công tác tuyên truyền, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên, lực lượng bảo vệ cũng như nhân dân trong vùng nhằm bảo vệ, quản lý, vận hành tốt đập, hồ chứa nước.

3. Mục tiêu bảo vệ

- Khu vực bảo vệ bao gồm khu công trình đầu mối, khu vực lòng hồ và vùng phụ cận, cụ thể:

+ Khu công trình đầu mối, gồm: Toàn bộ các hạng mục chính như đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và toàn bộ các hệ thống, công trình phụ trợ (nhà quản lý vận hành, hệ thống thiết bị quan trắc,...).

+ Khu vực lòng hồ, gồm: Từ cao trình (+101.0)m trở xuống và phân hành lang bảo vệ nguồn nước từ cao trình (+101.10)m trở lên đến cao trình (+105.00)m.

+ Vùng phụ cận, gồm: Vùng phụ cận của đập (hồ chứa nước Đồng Mít là công trình cấp II, phạm vi tính từ chân đập trở ra tối thiểu 100m) và vùng phụ cận của lòng hồ chứa nước (phạm vi tính từ đường biên tại cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ).

- Tổ chức bảo vệ an toàn tuyệt đối tất cả các khu vực nêu trên:

+ Khu công trình đầu mối phải được bảo vệ 24/24h nhằm phòng, chống, loại bỏ sớm các mối nguy hiểm về tấn công bằng đường bộ, đường thủy, đường không hoặc các hình thức chống phá khác đe dọa đến hoạt động khai thác, vận hành, an toàn các hạng mục của công trình.

+ Đối với khu vực lòng hồ và vùng phụ cận phải thường xuyên tuần tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi làm ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, các hành vi phá hoại khác và phòng, chống nứt, sạt lở đất bờ hồ; đồng thời, trồng và bảo vệ rừng để chống sạt lở đất bờ hồ đảm bảo an toàn công trình, tạo cảnh quan, môi trường sinh thái.

II. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT, SƠ ĐỒ MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH VÀ CHỈ GIỚI CẢM MỐC PHẠM VI BẢO VỆ

1. Đặc điểm địa hình

Khu vực lòng hồ Đồng Mít bao gồm lưu vực từ tuyến đập thuộc thôn Đồng Mít, xã An Trung ngược về thượng lưu dọc theo nhánh chính của dòng sông An Lão. Chiều dài lòng hồ khoảng 8,8km, chiều rộng lớn nhất khoảng 1,66km. Có địa hình đồi với độ dốc lớn nên hình thành nhiều khe suối nhỏ. Địa hình được chia làm 3 dạng chính:

- Địa hình núi trung bình và thấp tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, có độ cao khoảng từ 500m đến 1.000m.

- Địa hình gò đồi trung du có độ dốc 10 - 15°.

- Địa hình đồng bằng ven sông phân bố kéo dài theo hai bờ sông An Lão vùng bờ hồ và vai công trình đầu mối có dạng địa hình núi trung bình.

Tuyến đập chính chạy theo hướng Bắc Nam, căn cứ vào địa hình, địa mạo theo tuyến đập có thể chia làm 3 khu vực. Khu vực thềm và lòng sông có chiều dài khoảng cách cao độ địa hình thay đổi từ +51.5m đến +57.2m, khu vực này thềm sông tương đối bằng phẳng. Khu vực vai trái đập có cao độ địa hình thay đổi từ +55,4m đến +123,74m, sườn dốc từ 25° - 30°. Khu vực vai phải đập có cao độ thay đổi từ +57,2m đến +157,87m, sườn dốc khoảng 30°.

2. Nhiệm vụ

- Cung cấp nước để tưới cho 6.742ha đất canh tác, trong đó:
 - + Cấp nước tưới cho 134ha đất canh tác ven sông An Lão thuộc xã An Trung, huyện miền núi An Lão.
 - + Cấp nước về đập Lại Giang đảm bảo tưới ổn định cho 4.010ha đất canh tác của huyện Hoài Nhơn; trong đó tưới trọng lực 3.279ha, tạo nguồn cho các trạm bơm phục vụ tưới 531ha, cấp nước nuôi trồng thủy sản 200ha.
 - + Cấp nước ổn định cho các trạm bơm phục vụ tưới cho 725ha đất canh tác ven sông An Lão.
 - + Cấp nước ổn định cho đập ngăn mặn sông Lại Giang đảm bảo cho các trạm bơm phục vụ tưới cho 900ha đất canh tác và 155ha nuôi trồng thủy sản ven sông vùng hạ lưu sau đập Lại Giang.
 - + Tạo nguồn cấp nước để phục vụ tưới cho 671ha đất canh tác và 147ha nuôi trồng thủy sản của các xã phía Bắc huyện Phù Mỹ, là vùng khô hạn nhất tỉnh do không có nguồn nước cung cấp nước hiện nay.
 - Tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 276 000 người.
 - Tạo nguồn cấp nước cho công nghiệp 230ha.
 - Cắt giảm lũ cho hạ lưu.
 - Cấp nước cải thiện môi trường sinh thái và chống xâm nhập mặn cho vùng hạ lưu.
 - Kết hợp phát điện.

3. Thông số kỹ thuật

TT	Các hạng mục chính	Đơn vị	Thông số
I	Các thông số hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực đến tuyến đập	Km ²	160,30
2	Lưu lượng bình quân năm, Q _o	m ³ /s	12,85
3	Lưu lượng đỉnh lũ P=10,0%	m ³ /s	1986,0
4	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,5%	m ³ /s	4688,0
5	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,1%	m ³ /s	6489,0
6	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,02%	m ³ /s	8570,0
7	Tổng lượng lũ W, P=10%	10 ⁶ m ³	99,40
8	Tổng lượng lũ W, P=0,5%	10 ⁶ m ³	220,90
9	Tổng lượng lũ W, P=0,1%	10 ⁶ m ³	302,00
10	Tổng lượng lũ W, P=0,02%)	10 ⁶ m ³	395,60
II	Hồ chứa		
1	Mức bồi lắng	m	69,33
2	Mức nước chết	m	77,00
3	Mức nước dâng bình thường	m	101,10

TT	Các hạng mục chính	Đơn vị	Thông số
4	Mức nước lũ thiết kế (P= 0,5%)	m	101,13
5	Mức nước lũ kiểm tra (P= 0,1%)	m	102,23
6	Mức nước lũ vượt kiểm tra (P=0,02%)	m	104,53
7	Dung tích bồi lắng	10^6m^3	3,917
8	Dung tích chết	10^6m^3	14,94
9	Dung tích toàn bộ	10^6m^3	89,84
10	Dung tích hiệu dụng	10^6m^3	74,89
11	Dung tích cắt giảm lũ:		
-	Ứng với lũ thiết kế (P=0,5%)	10^6m^3	9,28
-	Ứng với lũ kiểm tra (P=0,1%)	10^6m^3	14,14
-	Ứng với lũ vượt kiểm tra (P=0,02%)	10^6m^3	25,55
III	Đập chính		
1	Hình thức kết cấu		Bê tông đầm lăn
2	Cao độ đỉnh đập không tràn	m	105,0
3	Cao độ đỉnh gờ lan can	m	105,2
4	Chiều dài đỉnh đập	m	378,0
5	Chiều rộng đỉnh đập	m	9,0
6	Chiều cao đập lớn nhất $H_{\max}$	m	62,6
7	Hệ số mái thượng lưu		0; 0,2
8	Hệ số mái hạ lưu		0; 0,6; 0,8
IV	Đập phụ		
1	Hình thức kết cấu		Đập đất đồng chất
2	Cao độ đỉnh đập	m	105,0
3	Cao độ đỉnh tường chắn sóng	m	106,0
4	Chiều dài đỉnh đập	m	126,0
5	Chiều rộng đỉnh đập	m	10,0
6	Chiều cao đập lớn nhất	m	13,80
7	Cao độ cơ thượng lưu	m	98,0
8	Chiều rộng cơ thượng lưu	m	3,0
9	Hệ số mái thượng lưu		2,5; 3,0
10	Hệ số mái hạ lưu		2,5
V	Tràn xả lũ		
1	Hình thức tràn		Tràn có cửa van
2	Số khoang tràn	khoang	3
3	Chiều rộng mỗi khoang	m	14,00
4	Cao độ ngưỡng	m	86,10
5	Kết cấu cửa van		Cửa van cung
6	Lưu lượng xả:		
-	Ứng với lũ thiết kế $Q_{\text{xả max}}$ (P=0,5%)	m^3/s	4609,0

TT	Các hạng mục chính	Đơn vị	Thông số
-	Ứng với lũ kiểm tra $Q_{x\bar{a} \max}$ ($P=0,1\%$)	m^3/s	5126,0
-	Ứng với lũ vượt kiểm tra $Q_{x\bar{a} \max}$ ($P=0,02\%$)	m^3/s	6298,0
VI	Cống lấy nước		
1	Hình thức cống		Ống thép bọc BTCT, đặt trong thân đập BT
2	Lưu lượng thiết kế	m^3/s	22,67
3	Chiều dài cống	m	108,10
4	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	70,00
5	Đường kính ống thép	m	(3,5÷2,2)
6	Hình thức cửa van		Van phẳng thượng lưu, van côn hạ lưu
VII	Cống xả cạn		
1	Cao độ cửa vào	m	60,90
2	Kích thước (B x H)	m	(3,0 x 3,0)
VIII	Nhà máy thủy điện		
1	Lưu lượng thiết kế	m^3/s	16,21
2	Cột nước lớn nhất	m	52,27
3	Cột nước tính toán	m	45,02
4	Cột nước nhỏ nhất	m	27,00
5	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	6,30
6	Công suất đảm bảo N_{db}	MW	1,20
7	Số tổ máy	Tổ	2

4. Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ

a. Sơ đồ mặt bằng bố trí công trình: Các cụm công trình cần bảo vệ, gồm:

- Hồ chứa nước.

- Công trình đầu mối hồ: Đập đất, tràn xả lũ, cống lấy nước và các công trình phụ trợ khác liên quan.

b. Chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình:

Vùng lòng hồ bảo vệ công trình được tính từ đường biên có cao trình 105.0m trở xuống phía lòng hồ. Mốc chỉ giới bảo vệ được cắm theo đường biên nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm 196 mốc bảo vệ khu lòng hồ và 24 mốc bảo vệ khu đầu mối đã được xác định trên thực địa cùng với UBND huyện An Lão và UBND các xã.

Theo hồ sơ thiết kế đường chỉ giới phạm vi bảo vệ khu đầu mối, vị trí mốc chỉ giới bố trí tại các đỉnh ngoặt của đường biên, trên các đoạn thẳng giữa 2

đỉnh ngoặt bố trí mốc tại các vị trí có địa hình cao như đỉnh đồi, sông đồi và chêm dày mốc nếu khoảng cách giữa 2 mốc vượt quá 100m đối với đập chính, đập phụ, riêng đường quản lý không có quy định cụ thể nhưng do đây là đường quản lý trong khu đầu mối công trình nên áp dụng tương tự như đập (xem bản vẽ thiết kế kèm theo). Tổng số mốc bảo vệ công trình khu đầu mối là 24 mốc, trong đó 8 mốc trùng mốc GPMB đã cắm. *Chi tiết xem bản vẽ bố trí mốc đầu mối kèm theo.*

Căn cứ đường biên cao trình +105.0m trên bản đồ lòng hồ dài 39.21km, căn cứ điểm b khoản 2 điều 20 bố trí mốc bảo vệ công trình lòng hồ với mật độ 200m/mốc. Tổng số mốc chỉ giới bảo vệ công trình khu vực lòng hồ là 221 mốc, trong đó 1 mốc trùng khu vực đầu mối. *Chi tiết xem bản vẽ bố trí mốc lòng hồ kèm theo.*

III. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA

1. Tình hình quản lý, khai thác công trình

Công trình được khởi công xây dựng vào năm 2019 và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2022.

Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định đã thực hiện các nội dung về quản lý an toàn đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP (gồm: kiểm tra hồ chứa; lập tờ khai an toàn đập, hồ chứa; lập quy trình vận hành hồ chứa; lập phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; lập hồ sơ cấp phép khai thác nước mặt; thực hiện quan trắc thăm thân đập; lắp đặt thiết bị đo mưa tại công trình đầu mối; lắp đặt thiết bị quan trắc mực nước; lập hệ thống cơ sở dữ liệu về hồ chứa, cập nhật thông tin, thông số vận hành hồ chứa hàng ngày, hàng kỳ và lưu trữ dữ liệu phục vụ quá trình quản lý, khai thác).

2. Công tác bảo vệ đập, hồ chứa nước

Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) thành lập tổ quản lý hồ chứa Đồng Mít, bố trí lực lượng cán bộ, công nhân viên thường xuyên theo dõi, ngăn chặn, phát giác các hành vi xâm phạm công trình, xâm phạm hành lang bảo vệ công trình đảm bảo an toàn đập, tràn, cống,...; phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan trong quản lý, bảo vệ lòng hồ, bảo vệ nguồn nước và vùng phụ cận của hồ chứa.

Hiện trạng công trình đã có các camera giám sát an ninh: 5 camera theo dõi toàn công trình bao gồm: 01 đặt trên vai phải, 01 đặt trên vai trái; 03 camera theo dõi tràn xả lũ đặt tại các trụ pin tràn xả lũ; gác chắn, tường rào cổng ngõ đã có tại hạ lưu đập đường đi vào công trình đầu mối.

Phương tiện thủy để đi kiểm tra khu vực lòng hồ đã trang bị và công nhân lái máy có chứng chỉ lái.

IV. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ CÔNG TÁC BẢO VỆ ĐẬP

1. Tổ chức lực lượng

a. Tổ chức lực lượng bảo vệ của địa phương (bảo vệ từ xa, ngoài phạm vi bảo vệ công trình): UBND huyện An Lão chỉ đạo Công an huyện An Lão, UBND xã An Trung bố trí lực lượng tuần tra, ngăn chặn các hoạt động, hành vi gây ảnh hưởng tới an toàn công trình; tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương cùng tham gia bảo vệ.

b. Tổ chức lực lượng bảo vệ nội bộ phạm vi công trình (Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, các đơn vị liên quan):

Trên cơ sở tiêu chí năng lực của lực lượng bảo vệ, số lượng, trình độ cán bộ, công nhân hiện có của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và hiện trạng các hạng mục cần bảo vệ, tổ chức lực lượng bảo vệ như sau:

- Lực lượng nòng cốt: 3 người (trong tổ quản lý, bảo vệ hồ của các đơn vị), cụ thể: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (*trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1 thuộc tổ quản lý hồ Đồng Mít 2 người bảo vệ chuyên trách*); UBND xã An Trung 1 người khi có yêu cầu; thực hiện quản lý, bảo vệ toàn bộ khu vực công trình đầu mối và khu vực lòng hồ.

- Lực lượng phối hợp: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lực lượng bảo vệ nòng cốt nêu trên phối hợp với lực lượng của Công ty và các địa phương để kiểm tra, bảo vệ công trình.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của lực lượng bảo vệ công trình

Người đứng đầu và lực lượng bảo vệ thuộc các đơn vị có trách nhiệm, quyền hạn như sau:

a. Trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị (Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, UBND huyện An Lão và xã An Trung):

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn con người, tài sản của công trình trong phạm vi được giao quản lý, bảo vệ; chỉ đạo xây dựng, tổ chức, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nội quy bảo vệ công trình; chỉ đạo lực lượng bảo vệ công trình thường xuyên phối hợp với lực lượng công an, chính quyền địa phương trong việc triển khai kế hoạch, phương án bảo vệ; xây dựng lực lượng bảo vệ công trình trong sạch, vững mạnh.

- Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nơi làm việc, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ phục vụ hoạt động của lực lượng bảo vệ.

- Bố trí lực lượng bảo vệ đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ và lực lượng khác có liên quan (lực lượng quản lý, khai thác công trình, dân quân, xung kích,..) tham gia công tác bảo vệ công trình.

- Xác định các vị trí, khu vực xung yếu của công trình, bố trí lực lượng bảo vệ phù hợp, đảm bảo an toàn tuyệt đối công trình.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan công an có thẩm quyền tổ chức đào tạo,

bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ; tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại công trình.

b. Trách nhiệm chung của lực lượng bảo vệ:

- Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ bảo vệ của lực lượng công an để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy bảo vệ công trình; kịp thời đề xuất với người đứng đầu cơ quan, đơn vị biện pháp xử lý.

- Khi làm nhiệm vụ phải mang biển hiệu, giấy chứng nhận nhân viên bảo vệ do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý công trình cấp.

- Lập kế hoạch thực hiện và diễn tập phương án bảo vệ công trình.

- Phối hợp với lực lượng công an, quân đội và các lực lượng khác tại địa phương thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn công trình trong mọi tình huống.

- Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý công trình xây dựng nội quy bảo vệ; hướng dẫn, kiểm tra cán bộ, công chức và những người làm việc trong công trình thực hiện các quy định về công tác bảo vệ.

- Tuần tra, canh gác bảo vệ công trình và vùng phụ cận.

- Lập chốt bảo vệ để kiểm soát, kiểm tra người, phương tiện ra, vào công trình; xử lý những trường hợp vi phạm quy định về công tác bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xâm phạm công trình.

- Thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ an toàn công trình.

- Trường hợp xảy ra sự cố, vụ việc liên quan đến công tác bảo vệ phải có biện pháp ngăn chặn kịp thời, bảo vệ hiện trường; đồng thời thông báo ngay cho lãnh đạo đơn vị và cơ quan công an nơi gần nhất; tiến hành xác minh và thực hiện các yêu cầu của cơ quan công an (nếu có).

- Thực hiện những nhiệm vụ khác liên quan đến công tác bảo vệ theo sự hướng dẫn của lãnh đạo đơn vị và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c. Quyền hạn của lực lượng bảo vệ:

- Kiểm tra người, phương tiện ra, vào công trình; xử lý những trường hợp vi phạm quy định về công tác bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Được sử dụng các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật và các công cụ hỗ trợ khác theo quy chế của đơn vị và pháp luật quy định khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình.

3. Trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ

- Các đơn vị có trách nhiệm trang bị các thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ công trình gồm: Trang thiết bị văn phòng; phương tiện phục vụ tuần tra, bảo vệ (đèn pin, bảo hộ lao động chuyên dụng, trang phục, dùi cui điện...);.

- Tùy theo yêu cầu thực tế về công tác bảo vệ an ninh, trật tự, người đứng đầu đơn vị quyết định việc sử dụng các loại trang bị và phương tiện, phục vụ công tác bảo vệ và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan (cấp phép, quản lý, đăng ký,...).

- Hàng năm đầu mùa mưa bão các loại vật tư, vật liệu, thiết bị, dụng cụ, xe máy lương thực, thuốc men và dụng cụ y tế phải chuẩn bị sẵn sàng và thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ: “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ”.

4. Trang thiết bị y tế

TT	Danh mục	Đơn vị	Số lượng
1	Cồn	lọ	10
2	Oxy già	lọ	10
3	Bông 25 gram	Gói	10
4	Băng cá nhân	hộp	04
5	Gạc cuộn	Bì	10
6	Gạc tiết trùng	Bì	10
7	Băng keo lùa	cuộn	04
8	Salonpas	hộp	06
9	Bộ nẹp gãy xương các loại	bộ	01
10	Cán cứu thương	cái	01
11	Thuốc ho PH	lọ	06
12	Thuốc Becberin 10 gram	lọ	04
13	Dầu nóng Trường Sơn	lọ	04
14	Nhiệt kế	cái	02

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỢT XUẤT

1. Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ

Hàng ngày các cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ bảo vệ ghi chép tình hình an ninh, an toàn trong phạm vi bảo vệ. Định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm, bộ phận quản lý, bảo vệ có trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo lãnh đạo đơn vị về tình hình an ninh, trật tự, an toàn trong phạm vi quản lý; đồng thời gửi báo cáo đến chủ đập, hồ chứa để tổng hợp, theo dõi và chỉ đạo kịp thời về công tác đảm

bảo an toàn, an ninh chung cho toàn bộ công trình đập, hồ chứa nước.

2. Chế độ báo cáo, kiểm tra đột xuất

Khi làm nhiệm vụ vận hành, khai thác, bảo vệ công trình phát hiện các tình huống, vụ việc nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn công trình; lực lượng bảo vệ chủ động xử lý, kịp thời ngăn chặn các hành vi có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn công trình, đồng thời báo cáo lãnh đạo đơn vị để theo dõi, quản lý. Trường hợp, vượt quá quyền hạn được giao thì báo cáo lãnh đạo đơn vị để kịp thời xử lý, đảm bảo an ninh, an toàn công trình.

Trường hợp, tình huống, vụ việc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn công trình vượt quá quyền hạn của đơn vị thì báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh để chỉ đạo, xử lý kịp thời.

3. Quy định người báo cáo và trách nhiệm

a. Người báo cáo: Lực lượng bảo vệ sau khi nhận được thông tin hoặc phát hiện các tình huống, vụ việc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, mất an toàn công trình trong phạm vi bảo vệ.

b. Trình tự báo cáo:

Khi phát hiện các tình huống, vụ việc nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn công trình thì báo cáo theo trình tự sau:

- Đối với lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ: Báo cáo ngay, đồng thời cho lãnh đạo đơn vị, hồ chứa cụ thể thông tin, tình huống để phối hợp, xử lý.

- Đối với lãnh đạo các đơn vị: Chỉ đạo xử lý kịp thời tình huống trong quyền hạn được giao; nếu vượt quá quyền hạn được giao thì báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo, thực hiện.

c. Trách nhiệm của người báo cáo:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin báo cáo.

- Phải báo cáo kịp thời các thông tin khi phát hiện công trình có nguy cơ xảy ra sự cố hoặc xảy ra sự cố liên quan đến an ninh, an toàn công trình; đề xuất biện pháp xử lý, xin ý kiến chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu

a. Việc cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị được thực hiện một trong các phương thức sau:

- Bằng Fax.

- Chuyển bản tin qua mạng internet (email, zalo,...).

- Thông tin trực tiếp qua điện thoại.

- Hình thức hợp pháp khác.

b. Thông tin liên lạc:

Tại các vị trí trực của lực lượng bảo vệ, vị trí vận hành, quản lý điều bố trí

điện thoại nội bộ và đường dài để liên lạc, đảm bảo thông tin liên lạc xuyên suốt và nhanh chóng, cụ thể tại các đơn vị như sau:

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định:
- + Điện thoại trực quản lý hồ Đồng Mít: 0964 026 117.
- + Điện thoại Xí Nghiệp thủy lợi 1: 02563 861 714.
- + Điện thoại Công ty (số máy trực): 02563 836435.
- Điện thoại trực của UBND xã An Trung: 02563.505.379; 0949.217.465.

VI. QUY ĐỊNH VỀ GIỚI HẠN HOẶC CẤM CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÓ TẢI TRỌNG LỚN LƯU THÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH; QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY; BẢO VỆ AN TOÀN NƠI LƯU TRỮ TÀI LIỆU, KHO TÀNG CẤT GIỮ VẬT LIỆU NỔ, CHẤT DỄ CHÁY, CHẤT ĐỘC HẠI

1. Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình

- Cấm hệ thống biển cấm, trích lập bản quy định về tải trọng và loại phương tiện trước công trình để báo hiệu cho mọi người biết và thực hiện.
- Khi phát hiện người điều khiển xe cơ giới có tải trọng lớn lưu thông qua công trình, tổ quản lý, bảo vệ thông báo, giải thích cho người điều khiển xe cơ giới biết việc không được phép cho xe qua công trình.
- Trường hợp không thể giải thích, tổ quản lý, bảo vệ kiên quyết không cho xe qua, đồng thời ghi nhận lại thông tin của người muốn điều khiển xe qua công trình (Họ tên, số CMT, CCCD, địa chỉ, loại xe, tải trọng xe,...) và thông báo đến cơ quan an ninh, chính quyền địa phương được biết để có phương án xử lý.
- Thông báo bằng văn bản đến các địa phương có liên quan để thông báo, tuyên truyền cho người dân biết việc không cho phép xe quá tải trọng lưu thông qua công trình.

2. Quy định về phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại

- Quy định về phòng cháy, chữa cháy:
 - + Phối hợp với Công an huyện và các đơn vị liên quan xây dựng phương án và triển khai thực hiện các nội dung phòng, chống cháy nổ tại công trình theo phương án đã được phê duyệt.
 - + Thường xuyên tổ chức kiểm tra nơi lưu trữ tài liệu (nhà quản lý), kho tàng, nhà van vận hành cống, các thiết bị điện,... để phát hiện, ngăn chặn từ sớm các nguy cơ mất an toàn.
- Quy định về bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại:
 - + Nơi lưu trữ tài liệu phải là nơi khô thoáng, cách xa những nơi có khả

năng phát cháy, tài liệu ghi chép phải luôn được bảo quản đảm bảo an toàn tránh mất mát, thất lạc.

+ Vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại phải để đúng nơi quy định và phải đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

+ Trường hợp xác định đối tượng sử dụng chất độc hại thả xuống lòng hồ, phải thực hiện ngay biện pháp khoanh vùng hạn chế tối đa ảnh hưởng, đồng thời thông báo với các cơ quan công an, quân đội, cơ quan chuyên môn xử lý theo quy trình, quy định. (khoanh vùng xác định vị trí báo cơ quan chức năng biết để xử lý). Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm đối với nguồn nước của Hồ Đồng Mít được thực hiện như sau:

Trường hợp xác định đối tượng sử dụng chất độc hại thả xuống lòng hồ, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) chủ động tiến hành ngay các biện pháp ngăn chặn, hạn chế lan rộng vùng ô nhiễm; xử lý, giảm thiểu ô nhiễm thuộc phạm vi quản lý, báo cáo các cơ quan chức năng liên quan và UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý.

+ Vật tư dự phòng tại đầu mối công trình được quản lý, bảo quản tại kho riêng của các đơn vị.

VII. TỔ CHỨC KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN RA, VÀO CÔNG TRÌNH

- Thường xuyên tuần tra để phát hiện kịp thời các đối tượng (người, phương tiện) ra, vào công trình, xử lý theo quy định.

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận, đơn vị, cán bộ, công chức và những người làm việc trong công trình thực hiện nghiêm các quy định về công tác bảo vệ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, kiểm soát các hoạt động gây tổn hại hoặc đe dọa đến an toàn của công trình.

- Phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép (nếu có) của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình, đảm bảo trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành công trình.

VIII. PHÒNG NGỪA, PHÁT HIỆN, NGĂN CHẶN CÁC HÀNH VI XÂM PHẠM, PHÁ HOẠI CÔNG TRÌNH VÀ VÙNG PHỤ CẬN CỦA CÔNG TRÌNH

1. Phòng ngừa:

- Xây dựng quy trình vận hành đập, hồ chứa và tổ chức đào tạo cán bộ quản lý vận hành an toàn đúng quy trình. Tuân thủ chặt chẽ các phương án ứng phó thiên tai, ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án cấm mốc giới, kế hoạch

bảo vệ cơ quan,... đã được các cơ quan chức năng phê duyệt.

- Xây dựng, lắp đặt các biển hiệu, biển cấm xâm phạm, hiệu lệnh xả lũ,... dọc tuyến đường nội bộ vào đập nhằm tuyên truyền, hướng dẫn, tạo cho cư dân trong vùng hiểu được các quy định của pháp luật về quản lý bảo vệ đập, hồ chứa nước, các thiết bị hệ thống công trình, hạ tầng kỹ thuật của công trình thủy điện.

- Phối hợp với Công an, UBND xã an Trung, huyện An Lão tổ chức lồng ghép nội dung tuyên truyền tại các Hội nghị xã, kết hợp với tuyên truyền lưu động cho nhân dân trong vùng biết và thực hiện các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, UBND các huyện, xã ở địa phương cũng như các Nội quy, Quy định của Công ty trong công tác quản lý an toàn đập, công tác bảo vệ hành lang hồ chứa, bảo vệ tài nguyên nước,... nhằm ngăn ngừa các hành vi gây mất an toàn cho đập.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan bảo vệ pháp luật nắm vững tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nơi xây dựng công trình; cùng điều tra, phối hợp giải quyết xử lý các vụ việc xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn trong khu vực công trình.

- Định kỳ phối hợp với Công an huyện An Lão tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng xử lý tình huống về ANTT cho lực lượng bảo vệ; phối hợp với UBND và công an xã An Trung, huyện An Lão tổ chức giao ban thường xuyên để nắm tình hình, bàn biện pháp ngăn chặn hoạt động của các đối tượng chính trị, hình sự nổi trên địa bàn, các loại tội phạm: trộm cắp, gây rối mất an ninh trật tự,...

- Lực lượng bảo vệ của hồ chứa nước Đồng Mít thường xuyên nâng cao cảnh giác, kiểm soát chặt chẽ người ra, vào công trình, theo dõi các biểu hiện nghi vấn để kịp thời ngăn chặn các hành vi của kẻ xấu.

- Theo dõi tình hình, kịp thời ngăn chặn và thông báo ngay cho Công an xã, huyện đối với các biểu hiện nghi vấn, các tình huống xấu, gây mất an ninh trật tự ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước để kịp thời có biện pháp xử lý.

- Hướng dẫn người dân, tổ chức tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ hồ chứa nước Đồng Mít cùng người dân bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các hành vi làm ảnh hưởng đến đập, hồ chứa nước.

2. Ngăn chặn hành vi các đối tượng đột nhập vào khu vực công trình, đe dọa an ninh, trật tự công trình:

Khi tổ quản lý, bảo vệ hồ phát hiện vụ việc trên thì trực tiếp thực hiện kiểm tra hành lý, phương tiện, giấy tờ mang theo, lập biên bản kiểm tra và tạm giữ các loại giấy tờ tùy thân và các loại vũ khí, chất nổ, hóa chất độc hại (nếu có); đồng thời phối hợp với các lực lượng của các đơn vị trên địa bàn nhanh chóng bao vây, khống chế, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng và báo cáo ngay cho tổ trưởng, lãnh đạo quản lý và cơ quan công an có thẩm quyền để chỉ đạo xử lý.

3. Các hành vi xâm phạm lòng hồ như lấn chiếm đất lòng hồ để canh tác, xây dựng nhà cửa, lán trại trong phạm vi bảo vệ đập, lòng hồ:

Khi tổ quản lý, bảo vệ hồ tuần tra phát hiện các vụ việc nêu trên thì phải có trách nhiệm báo cáo tổ trưởng, lãnh đạo Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1); chính quyền địa phương (UBND huyện, xã, Công an huyện...) có liên quan trực tiếp chỉ đạo xử lý vi phạm trong phạm vi được giao quản lý.

4. Hành vi tụ tập bơi lội, đánh bắt cá, nổ mìn đánh bắt cá gần tuyến đập gây mất an toàn đập và phá hoại thiết bị quan trắc, cản trở việc vận hành hồ chứa:

- Khi phát hiện có người tụ tập bơi lội, đánh bắt cá gần khu vực đập, thượng hạ lưu công trình, tổ quản lý, bảo vệ sẽ nhắc nhở để giải tán khỏi khu vực cấm; nếu người vi phạm không thực hiện theo yêu cầu, tổ quản lý, bảo vệ sẽ lập biên bản, phối hợp với chính quyền địa phương tạm giữ người, phương tiện, dụng cụ vi phạm, đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi phát hiện có người nổ mìn đánh bắt cá gây nguy hại đến an toàn công trình đập, phá hoại thiết bị quan trắc, tổ quản lý, bảo vệ phối hợp với chính quyền địa phương để tạm giữ người, phương tiện, dụng cụ và lập biên bản vi phạm; thông báo cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật; triển khai kiểm tra mức độ hư hỏng của công trình để tiến hành khắc phục kịp thời (nếu có).

IX. BẢO VỆ, XỬ LÝ KHI CÔNG TRÌNH XẢY RA SỰ CỐ HOẶC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ

1. Mất an toàn đập do bão, lũ

- Để đảm bảo an toàn đập, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) thực hiện nghiêm túc đúng theo Quy trình vận hành hồ chứa nước Đồng Mít đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hàng năm, trước mùa mưa bão, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) lập và điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung phương án được phê duyệt.

- Thực hiện kiểm tra các tuyến, điểm trọng yếu, thông tin cho các đơn vị liên quan để khẩn trương di dời người và tài sản đến nơi tránh trú an toàn, bảo vệ, gia cố đập khi cần thiết.

2. Mất an toàn đập do kẻ xấu kích động, tụ tập đông người đập phá, chuẩn bị biểu tình, gây rối an ninh, trật tự công trình

- Lực lượng bảo vệ phối hợp với lực lượng quản lý, vận hành ngăn chặn ngay từ đầu, không cho các đối tượng tiếp cận phạm vi bảo vệ công trình; nắm chắc diễn biến tình hình, giữ thái độ bình tĩnh để ứng phó với đối tượng gây rối;

đồng thời báo cáo ngay cho lãnh đạo quản lý, chính quyền địa phương, cơ quan công an và đơn vị liên quan để kịp thời chỉ đạo xử lý.

- Quan sát, tìm hiểu nguyên nhân, động cơ, mục đích của việc gây rối và đối tượng cầm đầu tổ chức, kích động để có kế hoạch xử lý phù hợp; chủ động tuyên truyền, giải thích trên tinh thần thượng tôn pháp luật nhưng hợp tình, hợp lý nhằm từng bước giải tán đám đông, tránh để xảy ra tình trạng manh động, quá khích dẫn đến phá hoại tài sản.

3. Mất an toàn do cháy nổ

- Khi có cháy nổ xảy ra tại các vị trí công trình đầu mối được giao quản lý, nhân viên vận hành đập, lực lượng bảo vệ, chủ động tổ chức xử lý và khoanh vùng ngay không cho đám cháy nổ lan rộng; tổ chức kiểm tra, rà soát phạm vi bảo vệ an toàn đập để phát hiện và xử lý kịp thời; đồng thời báo cáo lãnh đạo quản lý, chính quyền địa phương, cơ quan công an và đơn vị liên quan để kịp thời chỉ đạo xử lý.

- Khi sự cố cháy nổ vượt quá khả năng xử lý tại chỗ của lực lượng bảo vệ và quản lý, vận hành công trình, thì báo cáo lãnh đạo đơn vị, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương, lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy để huy động các lực lượng tham gia xử lý sự cố, đảm bảo an toàn cho công trình.

4. Mất an toàn do điện

- Không để lưới điện trong khu vực gây mất an toàn trong khu vực lòng hồ và khu vực công trình đầu mối hồ chứa nước Đồng Mít.

- Đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định.

- Cấm các hoạt động đánh bắt cá bằng xung điện.

X. NGUỒN LỰC TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Về nhân lực

- Tổng nhu cầu dự kiến biên chế lực lượng bảo vệ là 6 người, trong đó 2 người tại tổ quản lý hồ Đồng Mít được phân công trực và tham gia nhiệm vụ tại công trình; 4 người bao gồm (1 Giám đốc Xí nghiệp, 1 Phó Giám đốc Xí nghiệp; 1 kỹ thuật Xí nghiệp; 1 nhân viên phòng QLN&CT Công ty) tham gia lực lượng bán chuyên trách khi có bão, lũ xảy ra, thực hiện thường trực theo quy định; Giám đốc Xí nghiệp là người trực tiếp điều hành, lãnh đạo chung.

- Chế độ làm việc kiêm nhiệm; bên cạnh công tác bảo vệ công trình, còn có nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình và một số nhiệm vụ khác.

- Đề chủ động khi có mưa bão hoặc tình huống khẩn cấp gây mất an toàn cho đập, hồ chứa, Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão công trình có phương án cụ thể phối hợp với UBND huyện An Lão; xã An Trung và chuẩn bị lực lượng thường trực theo nội dung phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về vật tư

a) Công ty: Đảm nhận bố trí nguồn kinh phí lấy từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo chế độ của nhà nước để đảm bảo cho công tác bảo vệ phạm vi công trình đập, cống, tràn xả lũ, lòng hồ do Công ty quản lý.

b) Chính quyền địa phương: Huy động vật tư dự phòng của địa phương và trong dân trong các trường hợp xảy ra sự cố, tình huống khẩn cấp.

(Chi tiết danh mục vật tư dự trữ và trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ tại phụ lục III)

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

1. Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định

- Sau khi phương án được phê duyệt, phối hợp với UBND huyện An Lão tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn và vận hành công trình đáp ứng nhiệm vụ thiết kế; tuyên truyền, phổ biến nâng cao ý thức, trách nhiệm tới các tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác bảo vệ công trình.

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý an toàn đập và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình hồ chứa nước Đồng Mít .

- Báo cáo về hiện trạng an toàn đập, hồ chứa gửi Sở Nông nghiệp và PTNT định kỳ theo quy định; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Mít được duyệt.

- Lập biên bản và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn công trình.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng (Công an huyện An Lão, Công an tỉnh, Công ty có dịch vụ đào tạo bảo vệ, bảo an,...) tổ chức các lớp bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên và lực lượng bảo vệ theo quy định.

- Tổ chức lực lượng trực bảo vệ công trình và đảm bảo thông tin liên lạc xuyên suốt 24/24h.

- Tổ chức lập và triển khai thực hiện phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước theo quy định.

- Quản lý vận hành đập, cống, tràn xả lũ và các hạng mục công trình của hồ chứa đúng với quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Ngăn chặn các hành vi lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ các hạng mục công trình được giao quản lý, các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và vận hành đập, các hành động xâm hại đến mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa, công trình.

- Giám sát việc thực hiện các nội dung trong giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (nếu có).

- Giám sát việc tổ chức thực hiện của lực lượng bảo vệ; kiểm soát, xử lý thông tin báo cáo hàng ngày từ lực lượng bảo vệ và cơ quan an ninh địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của huyện An Lão thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn các hạng mục công trình được giao quản lý; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong công tác bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Mít.

- Xây dựng quy chế hoạt động và chế độ phụ cấp cho lực lượng làm công tác bảo vệ công trình. Hàng năm lập kế hoạch và dự toán kinh phí mua sắm trang bị, nhiên liệu, phương tiện hoạt động, huấn luyện đào tạo và phụ cấp cho lực lượng bảo vệ công trình theo quy định.

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) có trách nhiệm trực tiếp quản lý, bảo vệ các mốc chỉ giới và lưu trữ hồ sơ cắm mốc được phê duyệt.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ hàng năm; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) xem xét sửa đổi, bổ sung phương án nếu cần thiết.

2. UBND tỉnh Bình Định

- Chỉ đạo thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Mít; ngăn chặn, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình và thực hiện quản lý an toàn công trình đập, hồ chứa nước Đồng Mít.

- Chỉ đạo huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đồng Mít khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đồng Mít; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện và quyết định việc phê duyệt, điều chỉnh phương án bảo vệ công trình.

3. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phương án bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Đồng Mít của đơn vị khai thác công trình, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh phương án bảo vệ khi có đề nghị của đơn vị khai thác công trình.

- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án bảo vệ theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ về hiện trạng an toàn đập, hồ chứa nước Đồng Mít; tham mưu cho UBND tỉnh về công tác chỉ đạo vận hành và công tác

quản lý, bảo vệ hồ chứa phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Phối hợp chỉ đạo theo thẩm quyền công tác bảo vệ tài nguyên rừng, ngăn chặn các hành vi khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trong khu vực bảo vệ công trình.

4. UBND huyện An Lão

- Giao nhiệm vụ trực tiếp cho UBND xã An Trung trong công tác tổ chức, tham gia, phối hợp bảo vệ đập, hồ chứa.

- Quản lý, ngăn chặn hành vi lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ đập và vùng lòng hồ chứa, các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và vận hành đập, các hành động xâm hại các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ hồ chứa nước Đồng Mít. Tiến hành hòa giải các tranh chấp (nếu có) về khai thác và bảo vệ công trình phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Chuẩn bị đầy đủ vật lực, nhân lực được giao theo phương án được phê duyệt và sẵn sàng hỗ trợ theo thẩm quyền khi có đề nghị của chủ đập, hồ chứa. Tổ chức cứu hộ đập của công trình hồ chứa nước Đồng Mít kịp thời khi xảy ra sự cố hoặc có khả năng xảy ra sự cố.

- Có trách nhiệm phối hợp với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) thông báo cho nhân dân địa phương vùng lòng hồ chứa nước Đồng Mít và hạ lưu đập tình hình các đợt lũ, cảnh báo các nguy cơ có thể xảy ra làm thiệt hại về người và tài sản, đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Phối hợp với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) tuyên truyền cho người dân biết, hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ an ninh, an toàn đập, hồ chứa nước Đồng Mít.

- Chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt bão công trình hồ Đồng Mít và theo các phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Đồng Mít đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Ban chỉ huy Quân sự huyện An Lão

Chỉ đạo xây dựng lực lượng xung kích ở các xã An Dũng, An Trung, An Hòa và thị trấn An Lão. Hướng dẫn thành lập trung đội, tiểu đội có phương án cụ thể với tư thế sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố xảy ra; phối hợp cùng với địa phương thực hiện tốt công tác di dời dân đến nơi an toàn.

6. Công an huyện An Lão

Chỉ đạo lực lượng Công an giữ gìn an ninh trật tự khi công trình vận hành điều tiết lũ và khi công trình xảy ra sự cố; phối hợp cùng với địa phương thực hiện tốt công tác di dời dân đến nơi an toàn.

7. UBND xã An Trung

- Thực hiện phối hợp với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi

trong việc quản lý, bảo vệ các các mốc giới đã bàn giao cho địa phương để giải quyết các vấn đề có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân trong vùng về các quy định của pháp luật trong công tác bảo vệ đập, hồ chứa nước, hướng dẫn người dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong đơn vị, khu vực bảo vệ.

- Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện và sẵn sàng tham gia ứng cứu, bảo vệ công trình khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thủy điện Đồng Mít

- Phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 2 Công ty trong các trường hợp liên quan đến công tác bảo vệ, quản lý khai thác, vận hành điều tiết nước qua hồ chứa đảm bảo an toàn công trình.

- Phối hợp trên tinh thần đề cao trách nhiệm, góp phần phát huy hiệu quả của công trình trong công tác vận hành điều tiết lưu lượng nước cấp hạ du qua cống lấy nước của hồ chứa kết hợp phát điện.

9. Các đơn vị khác có liên quan

- Có trách nhiệm phối hợp với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (trực tiếp là Xí nghiệp thủy lợi 1) trong công tác quản lý, bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Mít và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan theo đúng phương án bảo vệ được phê duyệt.

- Tham gia hỗ trợ ứng cứu về cả nhân lực và vật lực khi công trình xảy ra sự cố.

- Thực hiện các nội dung khác theo các quyết định của cấp có thẩm quyền đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan./.

PHỤ LỤC
KÈM THEO PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ ĐẬP, HỒ CHỨA
CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC ĐỒNG MÍT

PHỤ LỤC I
CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Luật Thủy lợi số ngày 19/6/2017.
- Luật phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020.
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.
- Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Bình Định Về việc phê duyệt Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi Dự án: Hồ chứa nước Đồng Mít, huyện An Lão, tỉnh Bình Định;
- Quyết định số 2508/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định Về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định để đầu tư xây dựng công trình Lòng hồ, cụm công trình đầu mối thuộc dự án hồ chứa nước Đồng Mít tại các xã: An Vinh, An Dũng, huyện An Lão;
- Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Bình Định Về việc ban hành Quy trình vận hành hồ chứa nước Đồng Mít, tỉnh Bình Định
- Các quy định hiện hành của pháp luật khác có liên quan.

PHỤ LỤC II

CHỈ GIỚI PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH VÀ SƠ ĐỒ MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH

Hiện nay Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định đang quản lý, bảo vệ hệ thống các mốc chỉ giới công trình đầu mối, gồm:

1. Mốc bảo vệ công trình đầu mối

(Tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, Lo=108°15')

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
KHU ĐẦU MỐI					
1	CTTL.01		1621443,15	563407,44	
		130			
2	CTTL.02		1621438,46	563535,13	Mốc tham chiếu BV16
		100			
3	CTTL.03		1621398,36	563640,59	
		100			
4	CTTL.04		1621367,81	563720,95	Mốc tham chiếu BV15
		80			
5	CTTL.05		1621301,69	563769,22	
		90			
6	CTTL.06		1621230,77	563821,35	Mốc tham chiếu BV14
		100			
7	CTTL.07		1621144,81	563765,63	
		100			
8	CTTL.08		1621058,85	563709,9	Mốc tham chiếu BV13
		80			
9	CTTL.09		1620982,53	563732,31	
		80			
10	CTTL.10		1620906,2	563754,71	Mốc tham chiếu BV12
		80			
11	CTTL.11		1620832,68	563714,37	Mốc tham chiếu BV11
		70			
12	CTTL.12		1620802,17	563651,47	Mốc tham chiếu BV10
		80			
13	CTTL.13		1620720,15	563633,51	
		80			
14	CTTL.14		1620638,13	563615,56	Mốc tham chiếu BV9
		70			
15	CTTL.15		1620610,65	563547,37	
		80			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
16	CTTL.16		1620617,03	563464,58	
		80			
17	CTTL.17		1620623,42	563381,79	
		110			
18	CTTL.18		1620522,25	563350,03	
		110			
19	CTTL.19		1620421,07	563318,28	
		90			
20	CTTL.20		1620437,35	563227,57	
		60			
21	CTTL.21		1620501,1	563235,54	
		90			
22	CTTL.22		1620547,64	563152,76	
		90			
23	CTTL.23		1620594,25	563070,09	
		90			
24	CTTL.24		1620636,13	562986,71	

Hệ thống các mốc này là cơ sở để đơn vị quản lý, khai thác và địa phương thực hiện công tác bảo vệ công trình khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mốc bảo vệ lòng hồ

Hiện tại, Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định đang bảo vệ khu vực lòng hồ theo hiện trạng, phạm vi bảo vệ lòng hồ tính từ đường biên tại cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ là cơ sở để Công ty thực hiện việc cấm bổ sung, hoàn thiện các mốc giới theo phạm vi quy định và cập nhật, bàn giao cho các địa phương để phối hợp quản lý, bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật.

(Tọa độ VN2000, múi chiếu 3°, Lo=108°15')

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
KHU LÒNG HỒ					
25	CTTL.25		1620613,25	562911,01	H= +105.00m
		190			
26	CTTL.26		1620498,46	562763,07	nt
		260			
27	CTTL.27		1620742,64	562847,11	nt
		210			
28	CTTL.28		1620910,98	562979,36	nt
		170			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
29	CTTL.29		1621022,77	562855,68	nt
		93			
30	CTTL.30		1620939,16	562815,2	nt
		190			
31	CTTL.31		1620966,86	562631,68	nt
		179			
32	CTTL.32		1621083,42	562495,29	nt
		174			
33	CTTL.33		1621244,22	562428,15	nt
		260			
34	CTTL.34		1621470,3	562300,76	nt
		160			
35	CTTL.35		1621585,4	562410,44	nt
		200			
36	CTTL.36		1621716,32	562258,84	nt
		120			
37	CTTL.37		1621599,27	562232,49	nt
		195			
38	CTTL.38		1621435,28	562127,64	nt
		188			
39	CTTL.39		1621309,35	561988,02	nt
		176			
40	CTTL.40		1621287,71	561813,57	nt
		148			
41	CTTL.41		1621304,28	561666,44	nt
		177			
42	CTTL.42		1621178	561790,21	nt
		162			
43	CTTL.43		1621038,5	561871,79	nt
		157			
44	CTTL.44		1620956,7	562005,84	nt
		141			
45	CTTL.45		1620908,66	561872,76	nt
		189			
46	CTTL.46		1620724,47	561830,03	nt
		208			
47	CTTL.47		1620904,22	561724,49	nt
		155			
48	CTTL.48		1620910,48	561569,77	nt
		178			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
49	CTTL.49		1621043,33	561451,11	nt
		167			
50	CTTL.50		1621184,9	561363,47	nt
		198			
51	CTTL.51		1621092,18	561188,36	nt
		262			
52	CTTL.52		1620856,72	561074,37	nt
		217			
53	CTTL.53		1620644,36	561118,5	nt
		267			
54	CTTL.54		1620860,59	560962,51	nt
		179			
55	CTTL.55		1621028,68	560899,95	nt
		99			
56	CTTL.56		1621072,77	560811,4	nt
		128			
57	CTTL.57		1620971,03	560734,4	nt
		180			
58	CTTL.58		1620928,89	560559,4	nt
		111			
59	CTTL.59		1620875,37	560463,14	nt
		137			
60	CTTL.60		1620753,15	560525,76	nt
		222			
61	CTTL.61		1620561,99	560639,32	nt
		157			
62	CTTL.62		1620443,37	560537,08	nt
		172			
63	CTTL.63		1620296,55	560626,87	nt
		194			
64	CTTL.64		1620403,92	560466,76	nt
		194			
65	CTTL.65		1620597,11	560451,72	nt
		280			
66	CTTL.66		1620348,43	560323,53	nt
		68			
67	CTTL.67		1620364,25	560259,33	nt
		160			
68	CTTL.68		1620491,76	560162,93	nt
		180			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
69	CTTL.69		1620571,93	560001,78	nt
		190			
70	CTTL.70		1620463,44	559845,57	nt
		179			
71	CTTL.71		1620418,43	559672,01	nt
		189			
72	CTTL.72		1620234,23	559631,15	nt
		157			
73	CTTL.73		1620077,2	559631,86	nt
		191			
74	CTTL.74		1619890,66	559590,17	nt
		191			
75	CTTL.75		1619753,04	559457,21	nt
		148			
76	CTTL.76		1619605,16	559458,65	nt
		224			
77	CTTL.77		1619383,47	559423,35	nt
		175			
78	CTTL.78		1619554,98	559387,41	nt
		196			
79	CTTL.79		1619731,23	559302,61	nt
		176			
80	CTTL.80		1619700,77	559129,1	nt
		123			
81	CTTL.81		1619639,86	559022,13	nt
		190			
82	CTTL.82		1619516,37	558877,2	nt
		158			
83	CTTL.83		1619408,42	558761,84	nt
		160			
84	CTTL.84		1619396,08	558602,57	nt
		215			
85	CTTL.85		1619345,74	558393,86	nt
		162			
86	CTTL.86		1619209,57	558305,99	nt
		123			
87	CTTL.87		1619145,17	558200,91	nt
		119			
88	CTTL.88		1619045,51	558266,01	nt
		184			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
89	CTTL.89		1618979,18	558094,12	nt
		207			
90	CTTL.90		1619051,29	557900,35	nt
		187			
91	CTTL.91		1619096,75	557718,9	nt
		196			
92	CTTL.92		1618927,37	557619,53	nt
		153			
93	CTTL.93		1618788,1	557555,08	nt
		141			
94	CTTL.94		1618710,32	557672,53	nt
		198			
95	CTTL.95		1618512,95	557691,31	nt
		196			
96	CTTL.96		1618318,83	557663,28	nt
		185			
97	CTTL.97		1618211,36	557513,01	nt
		195			
98	CTTL.98		1618276,21	557328,64	nt
		146			
99	CTTL.99		1618148,05	557257,73	nt
		200			
100	CTTL.100		1618044,75	557086,53	nt
		197			
101	CTTL.101		1617855,48	557031,51	nt
		192			
102	CTTL.102		1617670,7	556978,07	nt
		190			
103	CTTL.103		1617480,9	556969,8	nt
		192			
104	CTTL.104		1617330,23	557089,32	nt
		198			
105	CTTL.105		1617141,24	557149,47	nt
		174			
106	CTTL.106		1617287,89	557055,08	nt
		171			
107	CTTL.107		1617422,42	556948,75	nt
		123			
108	CTTL.108		1617510,41	556862,36	nt
		173			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
109	CTTL.109		1617675,6	556811,27	nt
		220			
110	CTTL.110		1617860,09	556931,69	nt
		200			
111	CTTL.111		1618052,27	556986,85	nt
		195			
112	CTTL.112		1618244,21	556953,08	nt
		115			
113	CTTL.113		1618348,15	556904,51	nt
		207			
114	CTTL.114		1618408,27	557102,94	nt
		200			
115	CTTL.115		1618555,59	557237,48	nt
		168			
116	CTTL.116		1618544,9	557404,72	nt
		185			
117	CTTL.117		1618390,07	557506,04	nt
		188			
118	CTTL.118		1618577,89	557509,12	nt
		171			
119	CTTL.119		1618722,47	557399,95	nt
		182			
120	CTTL.120		1618721,18	557217,47	nt
		232			
121	CTTL.121		1618926,85	557109,39	nt
		145			
122	CTTL.122		1618829,35	557216,35	nt
		190			
123	CTTL.123		1618862,58	557403,14	nt
		198			
124	CTTL.124		1619058,95	557431,16	nt
		197			
125	CTTL.125		1619207,82	557560,12	nt
		175			
126	CTTL.126		1619333,61	557682,01	nt
		185			
127	CTTL.127		1619323,64	557867,09	nt
		175			
128	CTTL.128		1619272,03	558034,69	nt
		219			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
129	CTTL.129		1619471,52	558124,8	nt
		156			
130	CTTL.130		1619559,86	558252,99	nt
		175			
131	CTTL.131		1619625,81	558414,62	nt
		198			
132	CTTL.132		1619689,14	558602,36	nt
		187			
133	CTTL.133		1619787,28	558761,1	nt
		186			
134	CTTL.134		1619922,29	558889,09	nt
		149			
135	CTTL.135		1619918,26	559038,46	nt
		196			
136	CTTL.136		1619885,31	559231,57	nt
		154			
137	CTTL.137		1619965,99	559363,08	nt
		192			
138	CTTL.138		1620137,17	559450,47	nt
		232			
139	CTTL.139		1620329,4	559320,69	nt
		114			
140	CTTL.140		1620427,64	559379,1	nt
		218			
141	CTTL.141		1620625,55	559469,76	nt
		165			
142	CTTL.142		1620732,38	559344,57	nt
		231			
143	CTTL.143		1620901,28	559186,94	nt
		150			
144	CTTL.144		1620843,04	559324,75	nt
		161			
145	CTTL.145		1620736,1	559444,46	nt
		278			
146	CTTL.146		1620926,34	559647,8	nt
		146			
147	CTTL.147		1621038,19	559553,46	nt
		119			
148	CTTL.148		1621121,74	559469,02	nt
		253			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
149	CTTL.149		1621122,76	559721,92	nt
		191			
150	CTTL.150		1621313,53	559708,27	nt
		273			
151	CTTL.151		1621575,24	559629,84	nt
		118			
152	CTTL.152		1621483,31	559703,86	nt
		180			
153	CTTL.153		1621330,21	559798,92	nt
		195			
154	CTTL.154		1621204,05	559947,09	nt
		191			
155	CTTL.155		1621274,35	560123,95	nt
		167			
156	CTTL.156		1621401,91	560232,39	nt
		211			
157	CTTL.157		1621518,58	560408,79	nt
		197			
158	CTTL.158		1621325,9	560450,15	nt
		113			
159	CTTL.159		1621420,26	560511,67	nt
		233			
160	CTTL.160		1621553,21	560703,53	nt
		167			
161	CTTL.161		1621694,28	560613,21	nt
		143			
162	CTTL.162		1621820,86	560680,28	nt
		136			
163	CTTL.163		1621702,79	560747,94	nt
		191			
164	CTTL.164		1621665,37	560935,65	nt
		191			
165	CTTL.165		1621817,99	561050,06	nt
		132			
166	CTTL.166		1621722,47	561140,69	nt
		182			
167	CTTL.167		1621740,09	561322,07	nt
		199			
168	CTTL.168		1621668,41	561508,24	nt
		178			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
169	CTTL.169		1621707,16	561681,88	nt
		195			
170	CTTL.170		1621900,99	561657,79	nt
		194			
171	CTTL.171		1622076,28	561573,72	nt
		125			
172	CTTL.172		1622155,91	561477,63	nt
		190			
173	CTTL.173		1622186,64	561290,59	nt
		145			
174	CTTL.174		1622277,74	561177,67	nt
		245			
175	CTTL.175		1622240,95	561420,35	nt
		166			
176	CTTL.176		1622340,1	561553,08	nt
		169			
177	CTTL.177		1622417,21	561402,8	nt
		180			
178	CTTL.178		1622534,49	561265,95	nt
		186			
179	CTTL.179		1622478,74	561443,81	nt
		168			
180	CTTL.180		1622646,41	561439,27	nt
		146			
181	CTTL.181		1622578,13	561568,78	nt
		114			
182	CTTL.182		1622471,99	561609,96	nt
		211			
183	CTTL.183		1622564,01	561800,04	nt
		326			
184	CTTL.184		1622811,04	561587,51	nt
		116			
185	CTTL.185		1622764,64	561681,41	nt
		179			
186	CTTL.186		1622717,76	561855,2	nt
		163			
187	CTTL.187		1622710,94	562018,34	nt
		193			
188	CTTL.188		1622850,43	562151,39	nt
		197			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
189	CTTL.189		1623038,45	562209,13	nt
		196			
190	CTTL.190		1623233,32	562189,59	nt
		188			
191	CTTL.191		1623411,48	562129,22	nt
		192			
192	CTTL.192		1623460,82	561943,69	nt
		200			
193	CTTL.193		1623613,98	561816,44	nt
		186			
194	CTTL.194		1623695,83	561649,81	nt
		212			
195	CTTL.195		1623614,26	561453,76	nt
		168			
196	CTTL.196		1623768,82	561520,95	nt
		195			
197	CTTL.197		1623831,63	561706,01	nt
		179			
198	CTTL.198		1623743,1	561861,04	nt
		189			
199	CTTL.199		1623594,66	561977,54	nt
		140			
200	CTTL.200		1623666,68	562097,99	nt
		166			
201	CTTL.201		1623501,32	562115,1	nt
		251			
202	CTTL.202		1623368,13	562325,85	nt
		197			
203	CTTL.203		1623175,03	562363,87	nt
		188			
204	CTTL.204		1622989,96	562331,35	nt
		190			
205	CTTL.205		1622826,09	562428,41	nt
		104			
206	CTTL.206		1622851,11	562327,1	nt
		200			
207	CTTL.207		1622677,29	562228,76	nt
		252			
208	CTTL.208		1622480,21	562072,34	nt
		127			

STT	TÊN MỐC	Khoảng cách giữa các mốc (m)	X	Y	GHI CHÚ
209	CTTL.209		1622385,03	562156,04	nt
		204			
210	CTTL.210		1622267,15	562322	nt
		158			
211	CTTL.211		1622277,78	562479,51	nt
		150			
212	CTTL.212		1622325,97	562621,39	nt
		142			
213	CTTL.213		1622211,07	562704,88	nt
		157			
214	CTTL.214		1622082,68	562795,87	nt
		119			
215	CTTL.215		1622021,14	562897,2	nt
		171			
216	CTTL.216		1621851,27	562873,67	nt
		162			
217	CTTL.217		1621830,06	563033,78	nt
		184			
218	CTTL.218		1621672,83	563129,66	nt
		187			
219	CTTL.219		1621657,09	563315,16	nt
		104			
220	CTTL.220		1621695,44	563411,43	nt
		252			
221	CTTL.221		1621443,15	563407,44	nt

Hệ thống các mốc này là cơ sở để đơn vị quản lý, khai thác và địa phương thực hiện công tác bảo vệ công trình khi phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

PHỤ LỤC III
DANH MỤC VẬT TƯ DỰ TRỮ VÀ TRANG THIẾT BỊ
HỖ TRỢ CÔNG TÁC BẢO VỆ

TT	Tên vật tư, trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đá hộc	m ³	88,6	Vật tư tại công trình
2	Đá 1x2	m ³	6,8	
3	Đá 4x6	m ³	6,4	
4	Đá 8x10	m ³	16,4	
5	Cát	m ³	41	
6	Rọ thép	cái	120	Vật tư tại kho nhà quản lý công trình
7	Bao tải	cái	200	
8	Cọc tre	cái	400	
9	Vồ gỗ (có cán)	cái	10	
10	Phao cứu sinh	cái	2	
11	Áo phao	cái	10	
12	Cuộc bàn (có cán)	cái	25	
13	Xẻng (có cán)	cái	20	
14	Dao phát	cái	10	
15	Cuộc chim	cái	5	
16	Đèn bão	cái	3	
17	Đèn ắc quy	cái	4	
18	Xà beng 1,5 m	cái	4	
19	Loa tay	cái	1	
20	Lưới đen dày, khổ 4 m	m ²	1.100	
21	Bạt xanh vàng, khổ 4 m	m ²	500	
22	Thép 2 ly (mạ kẽm)	kg	10	
23	Búa tạ	cái	4	
24	Búa 3 kg	cái	4	
25	Đèn pin	cái	4	
26	Bình chữa cháy	bình	10	
27	Dùi cui điện	cái	2	
28	Cano	1 chiếc	1	
29	Tủ thuốc	1 chiếc	1	